



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số 2105/TB-BVĐKT ngày 10/6/2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng)

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|-----------------------|---------------------|----------------------------------|---------|
| I | Vị trí việc làm Bác sĩ (Bác sĩ hạng III, Mã số: V.08.01.03) | | | | | |
| 1 | 0101 | Lê Tuấn Anh | 04/10/1995 | Bác sĩ Y khoa | Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0102 | Thân Trọng Trung Anh | 22/3/1997 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0103 | Lê Hồng Anh | 08/02/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0104 | Phạm Thị Ngọc Anh | 27/9/1997 | Bác sĩ Y đa khoa | Xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0105 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | 26/3/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 0106 | Trịnh Thị Ba | 30/3/1996 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0107 | Lê Thị Bình | 09/5/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0108 | Hà Văn Chiến | 28/8/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0109 | Nguyễn Thị Chúc | 18/01/2001 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 10 | 0110 | Lê Xuân Cường | 12/8/1995 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 11 | 0111 | Mai Tiến Đạt | 23/4/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hoá | |



| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-----------------------|---------------------|------------------------------------|---------|
| 12 | 0112 | Phạm Minh Đức | 30/12/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hoá | |
| 13 | 0113 | Nguyễn Hữu Đức | 30/01/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 14 | 0114 | Trịnh Văn Đức | 24/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 15 | 0115 | Đào Thị Dung | 03/4/1998 | Bác sĩ Y khoa | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 16 | 0116 | Viên Đình Dũng | 30/11/1992 | BSCKI Ngoại khoa | Phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 17 | 0117 | Nguyễn Văn Dũng | 20/8/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá | |
| 18 | 0118 | Nguyễn Đăng Dũng | 08/12/2001 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 19 | 0119 | Đặng Văn Dũng | 10/8/1995 | Bác sĩ Y khoa | Xã Đông Hưng, tỉnh Thái Bình | |
| 20 | 0120 | Nguyễn Ngọc Thùy Dương | 05/9/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 21 | 0121 | Vũ Quang Duy | 25/5/2000 | Bác sĩ Y khoa | Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | |
| 22 | 0122 | Hà Lê Duyên | 10/01/1994 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 23 | 0123 | Vũ Hồng Giang | 20/12/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 24 | 0124 | Đoàn Thu Giang | 09/10/1998 | Bác sĩ Y khoa | Xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hoá | |
| 25 | 0125 | Phạm Thị Giang | 09/9/2000 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 26 | 0126 | Lê Thị Giang | 19/5/1995 | Bác sĩ Y khoa | Xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------|---------|
| 27 | 0127 | Lê Thị Giang | 08/5/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 28 | 0128 | Bùi Thị Ngọc Hà | 10/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá | |
| 29 | 0129 | Nguyễn Lê Thu Hà | 20/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 30 | 0130 | Hoàng Nhật Hải | 26/9/2000 | Bác sĩ Y khoa | Phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá | |
| 31 | 0131 | Lê Thị Hằng | 05/4/1998 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Châu, tỉnh Thanh Hoá | |
| 32 | 0132 | Triệu Yên Hạnh | 20/11/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 33 | 0133 | Nguyễn Văn Hiếu | 31/3/1999 | Bác sĩ Y khoa | Xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 34 | 0134 | Đình Ngọc Hiếu | 21/10/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Vân Du, tỉnh Thanh Hoá | |
| 35 | 0135 | Hoàng Thị Hoa | 11/4/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 36 | 0136 | Lê Việt Hoàng | 02/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 37 | 0137 | Lê Mai Hồng | 12/6/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 38 | 0138 | Lê Thị Hồng | 21/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hoá | |
| 39 | 0139 | Lê Sỹ Hùng | 05/3/1991 | BSCKI Gây mê hồi sức | Xã Nông Công, tỉnh Thanh Hoá | |
| 40 | 0140 | Lê Mai Hương | 19/12/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 41 | 0141 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương | 17/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------------------|---------|
| 42 | 0142 | Nguyễn Ngọc Huy | 14/05/2001 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 43 | 0143 | Trịnh Quang Huy | 25/8/1999 | Bác sĩ Đa khoa | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 44 | 0144 | Cao Khánh Huyền | 19/9/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 45 | 0145 | Nguyễn Thị Khuyên | 15/8/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hải Hưng, thành phố Hải Phòng | |
| 46 | 0146 | Bùi Tuấn Kiệt | 10/01/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 47 | 0147 | Nguyễn Thị Mai Liên | 23/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 48 | 0148 | Tạ Thị Linh | 15/01/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hoá | |
| 49 | 0149 | Trần Thị Khánh Linh | 27/10/2000 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 50 | 0150 | Trịnh Khánh Linh | 13/02/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 51 | 0151 | Nguyễn Thiên Long | 08/4/1998 | Bác sĩ Y đa khoa | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 52 | 0152 | Nguyễn Thế Lực | 12/9/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 53 | 0153 | Lê Công Minh | 20/10/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 54 | 0154 | Lê Thị Minh | 01/3/1996 | Bác sĩ Y khoa | Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 55 | 0155 | Mai Thị Minh | 14/5/2001 | Bác sĩ Y khoa | Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 56 | 0156 | Lê Hải My | 08/8/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------------|---------|
| 57 | 0157 | Lê Vũ Trà My | 19/7/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 58 | 0158 | Đỗ Hà My | 27/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Xuân Hoà, tỉnh Thanh Hoá | |
| 59 | 0159 | Nguyễn Đức Nam | 14/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá | |
| 60 | 0160 | Hoàng Nam | 15/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 61 | 0161 | Hoàng Kim Hoài Nam | 22/8/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 62 | 0162 | Bùi Thị Ngân | 22/12/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hoá | |
| 63 | 0163 | Nguyễn Đình Nhân | 17/11/1995 | Bác sĩ Y đa khoa | Xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hoá | |
| 64 | 0164 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 07/10/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | |
| 65 | 0165 | Nguyễn Thị Trang Nhung | 16/10/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 66 | 0166 | Nguyễn Thị Oanh | 25/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 67 | 0167 | Nguyễn Hồng Phúc | 12/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 68 | 0168 | Trần Đình Phúc | 10/7/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Lý Nhân, tỉnh Ninh Bình | |
| 69 | 0169 | Hoàng Mai Phương | 31/01/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 70 | 0170 | Phạm Thị Quỳnh | 01/9/1999 | Bác sĩ Y khoa | Xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá | |
| 71 | 0171 | Phạm Thị Dương Quỳnh | 22/4/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|-------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 72 | 0172 | Vũ Ngọc Sơn | 16/3/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 73 | 0173 | Lê Đăng Sơn | 04/5/1993 | BSCKI Ngoại khoa | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 74 | 0174 | Nguyễn Thọ Thái | 07/7/2000 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 75 | 0175 | Lê Phương Thảo | 25/6/1997 | Bác sĩ Y đa khoa | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 76 | 0176 | Phạm Thanh Thiên | 11/11/1997 | BSNT, Thạc sĩ, BSCKI Ngoại khoa | Xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hoá | |
| 77 | 0177 | Bùi Thị Thịnh | 15/12/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 78 | 0178 | Trịnh Minh Thơ | 15/10/1993 | Bác sĩ Đa khoa | Xã Trà Giang, tỉnh Hưng Yên | |
| 79 | 0179 | Đỗ Thị Thu | 10/4/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 80 | 0180 | Nguyễn Minh Thư | 27/6/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 81 | 0181 | Mai Út Thương | 01/12/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 82 | 0182 | Lê Trọng Thuỷ | 12/02/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 83 | 0183 | Lê Khánh Trang | 22/8/2001 | Bác sĩ Y khoa | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 84 | 0184 | Lê Thị Trang | 28/02/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 85 | 0185 | Lê Thị Hạnh Trang | 07/6/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 86 | 0186 | Hà Minh Tùng | 13/5/2000 | Bác sĩ Y khoa | Xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 87 | 0187 | Nguyễn Sỹ Tùng | 27/5/1993 | BSCKI Chẩn đoán hình ảnh | Xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|-------|---------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------|---------|
| 88 | 0188 | Đỗ Hoàng Tùng | 01/12/1997 | Bác sĩ Y đa khoa | Xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 89 | 0189 | Dương Thị Ánh Tuyết | 14/10/1991 | BSCKI Thần kinh | Xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá | |
| 90 | 0190 | Quách Huyền Vân | 25/4/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hoá | |
| 91 | 0191 | Lê Thị Hồng Văn | 12/7/1996 | Bác sĩ Y khoa | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 92 | 0192 | Trịnh Quốc Việt | 15/7/2001 | Bác sĩ Y khoa | Xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 93 | 0193 | Nguyễn Hoàng Anh | 08/7/2001 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Xã Nông Công, tỉnh Thanh Hoá | |
| 94 | 0194 | Mai Chí Đạt | 29/7/1992 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Xã Hà Long, tỉnh Thanh Hoá | |
| 95 | 0195 | Vương Thuỳ Dương | 09/12/2001 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 96 | 0196 | Trịnh Khánh Huyền | 29/10/2001 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 97 | 0197 | Nguyễn Thị Nga | 16/12/1991 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 98 | 0198 | Lê Thanh Nga | 16/11/1993 | Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt | Xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 99 | 0199 | Trương Thị Ân | 17/7/1994 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Định Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 100 | 01100 | Cao Thị Liên | 30/12/2000 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá | |
| 101 | 01101 | Trịnh Thị Hương Ly | 05/7/1992 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá | |
| 102 | 01102 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 12/01/1996 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|------------|--|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|---------|
| 103 | 01103 | Trịnh Thị Phương | 26/9/1993 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá | |
| 104 | 01104 | Lê Thị Đài Trang | 28/4/1995 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 105 | 01105 | Phạm Thu Trang | 16/02/2000 | Bác sĩ Y học cổ truyền | Xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| II | Vị trí việc làm Dược (Dược hạng III, Mã số: V.08.08.22) | | | | | |
| 1 | 0201 | Vũ Thị Hà Giang | 01/9/2001 | Dược sĩ | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0202 | Nguyễn Thuý Hiền | 14/9/2001 | Dược sĩ | Xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0203 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 23/7/1999 | Dược sĩ | Xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng | |
| 4 | 0204 | Nguyễn Thu Huyền | 08/9/2000 | Dược sĩ | Xã Thọ Phú, Thanh Hoá | |
| 5 | 0205 | Phạm Khánh Linh | 08/5/2001 | Dược sĩ | Xã Thiên Nhãn, tỉnh Nghệ An | |
| 6 | 0206 | Lê Thị Phương Linh | 12/7/1999 | Dược sĩ | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0207 | Nguyễn Thị Xuân Mai | 15/3/2001 | Dược sĩ | Xã Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0208 | Nguyễn Thị Hoài Thương | 03/11/1994 | Dược sĩ | Xã Nho Quan, tỉnh Ninh Bình | |
| 9 | 0209 | Lê Thị Trang | 24/02/2000 | Dược sĩ | Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá | |
| III | Vị trí việc làm Điều dưỡng | | | | | |
| A | Điều dưỡng hạng III, Mã số: V.08.05.12 | | | | | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|----------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------------------|---------|
| 1 | 0301 | Phùng Thị Phương Anh | 23/6/2000 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0302 | Phạm Vân Anh | 27/10/2002 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0303 | Hà Quốc Cận | 17/10/1998 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Pù Luông, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0304 | Nguyễn Thị Đào | 02/02/1997 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0305 | Lại Thị Duyên | 27/2/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 0306 | Lê Thị Hà | 14/12/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0307 | Lê Thị Hào | 02/10/2002 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0308 | Lê Thanh Huyền | 28/8/1996 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0309 | Nguyễn Thị Lệ | 12/02/2001 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 10 | 0310 | Vũ Thuý Linh | 24/3/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 11 | 0311 | Nguyễn Hoài Linh | 10/9/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Hoàng Thanh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 12 | 0312 | Nguyễn Thị Linh | 31/10/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 13 | 0313 | Tổng Thị Nga | 09/4/1999 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 14 | 0314 | Hà Thị Thuý Nga | 07/7/2002 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá | |
| 15 | 0315 | Lê Thị Thanh Ngân | 01/02/2002 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|---|----------------------------------|---------|
| 16 | 0316 | Dương Thị Thanh Ngân | 02/12/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 17 | 0317 | Phan Thị Mai Ngân | 28/10/2000 | Cử nhân Điều dưỡng | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 18 | 0318 | Hà Thị Hạnh Như | 10/9/1999 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 19 | 0319 | Trịnh Thị Oanh | 02/9/2001 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 20 | 0320 | Nguyễn Thị Quỳnh | 20/9/1996 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Tây Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên | |
| 21 | 0321 | Nguyễn Hoàng Tài | 25/10/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 22 | 0322 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 08/6/2000 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 23 | 0323 | Hoàng Hà Trang | 10/8/2003 | Cử nhân Điều dưỡng | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| B | Điều dưỡng hạng IV, Mã số: V.08.05.13 | | | | | |
| 1 | 0401 | Lê Thị Quỳnh Anh | 25/3/2000 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0402 | Nguyễn Trâm Anh | 02/11/2001 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0403 | Trần Thị Mai Anh | 04/9/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0404 | Mai Thị Vân Anh | 27/4/2001 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Đường Lâm, Hà Nội | |
| 5 | 0405 | Hoàng Quỳnh Anh | 24/10/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 0406 | Lê Phú Ba | 26/7/1994 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|-------------------|-----------------------|---|-----------------------------------|---------|
| 7 | 0407 | Quách Gia Bảo | 10/9/2002 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0408 | Nguyễn Thị Cúc | 21/02/2000 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0409 | Mai Hùng Đông | 04/7/2000 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hoá | |
| 10 | 0410 | Trịnh Thị Dung | 07/4/1990 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 11 | 0411 | Đỗ Thuỳ Dương | 23/11/2003 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 12 | 0412 | Nguyễn Thị Vân Hà | 10/6/2002 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 13 | 0413 | Bùi Hồng Hạnh | 25/8/2002 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Nho Quan, tỉnh Ninh Bình | |
| 14 | 0414 | Lê Thị Thu Hiền | 30/01/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Công Chính, tỉnh Thanh Hoá | |
| 15 | 0415 | Đặng Thị Hoa | 27/10/1993 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 16 | 0416 | Lê Thị Hương | 08/10/1992 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 17 | 0417 | Nguyễn Thị Hương | 02/8/1997 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 18 | 0418 | Lê Thị Huyền | 21/11/2003 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 19 | 0419 | Hoàng Văn Kiên | 29/8/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 20 | 0420 | Nguyễn Thị Lý | 05/10/1992 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-----------------------|---|------------------------------------|---------|
| 21 | 0421 | Nguyễn Thị Ánh Ngọc | 21/8/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 22 | 0422 | Nguyễn Thị Thuý Nhi | 01/12/1997 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 23 | 0423 | Mai Lâm Oanh | 25/12/2000 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá | |
| 24 | 0424 | Lê Minh Phúc | 19/10/2003 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình | |
| 25 | 0425 | Nguyễn Thị Phương | 02/3/1993 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hoá | |
| 26 | 0426 | Phạm Thị Thảo | 24/4/2003 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 27 | 0427 | Lê Thị Thu | 29/9/2004 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 28 | 0428 | Phạm Thị Thương | 02/11/2002 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 29 | 0429 | Ngô Hoài Thương | 29/9/1992 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 30 | 0430 | Lê Bảo Tiến | 09/9/1998 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá | |
| 31 | 0431 | Ngô Mạnh Toàn | 29/8/1997 | Cao đẳng Điều dưỡng | Xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 32 | 0432 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 02/01/2001 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 33 | 0433 | Lê Thị Trang | 21/12/2002 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 34 | 0434 | Nguyễn Tuấn Vũ | 08/12/1998 | Cao đẳng Điều dưỡng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Định Tân, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----------|--|---------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---------|
| IV | Vị trí việc làm Kỹ thuật y | | | | | |
| A | Kỹ thuật y hạng III (Mã số: V.08.07.18) | | | | | |
| 1 | 0501 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 26/8/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0502 | Nguyễn Lê Quỳnh Anh | 16/9/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0503 | Trần Thị Hằng | 27/12/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0504 | Lê Thu Hằng | 27/3/2000 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Xuân Hoà, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0505 | Lê Thu Hiền | 15/12/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 0506 | Nguyễn Duy Hùng | 29/8/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0507 | Lê Văn Huy | 20/12/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0508 | Nguyễn Thị Ngọc Lê | 17/9/1997 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0509 | Đặng Hà Linh | 26/4/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình | |
| 10 | 0510 | Nguyễn Hoài Nam | 24/02/2000 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ | |
| 11 | 0511 | Nguyễn Anh Nhi | 20/11/2000 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá | |
| 12 | 0512 | Phạm Văn Phát | 28/8/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 13 | 0513 | Nguyễn Bích Phương | 02/02/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|----------|---|------------------------|-----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 14 | 0514 | Phạm Thị Minh Tâm | 28/4/2001 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 15 | 0515 | Lê Thị Thanh Thảo | 21/6/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hoá | |
| 16 | 0516 | Trần Huỳnh Anh Thư | 21/4/2003 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 17 | 0517 | Đỗ Thị Thương | 28/3/2001 | Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học | Phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 18 | 0518 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 25/8/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 19 | 0519 | Lê Minh Huyền Trang | 15/8/1999 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hoá | |
| 20 | 0520 | Lê Thị Trang | 01/9/1990 | Cử nhân Xét nghiệm y học | Xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hoá | |
| 21 | 0521 | Mai Thị Uyên | 20/11/2001 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hoá | |
| 22 | 0522 | Dương Công Vinh | 04/01/2002 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 23 | 0523 | Lê Phú Đăng | 18/5/2002 | Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 24 | 0524 | Đặng Thanh Hương | 23/8/2002 | Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá | |
| 25 | 0525 | Văn Võ Huy | 11/11/2002 | Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Xã Quan Thành, tỉnh Nghệ An | |
| 26 | 0526 | Lê Trang Nhung | 25/11/2003 | Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 27 | 0527 | Lê Nguyên Diên | 06/7/2002 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học | Xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hoá | |
| B | Kỹ thuật y hạng IV (Mã số: V.08.07.19) | | | | | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----|------|------------------|-----------------------|--|------------------------------------|---------|
| 1 | 0601 | Nguyễn Đức Anh | 23/9/2003 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Điện Bàn Tây, thành phố Đà Nẵng | |
| 2 | 0602 | Nguyễn Duy Công | 05/9/1997 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0603 | Hoàng Ngọc Hải | 04/10/2001 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0604 | Nguyễn Thị Nga | 09/8/1996 | Cao đẳng Xét nghiệm y học | Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0605 | Kiều Thanh Ngọc | 15/8/1999 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | |
| 6 | 0606 | Lê Tiên Phong | 24/9/2004 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0607 | Lê Thị Thu | 11/4/1993 | Cao đẳng Xét nghiệm y học | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0608 | Mai Thị Trang | 12/9/2002 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0609 | Trịnh Mai Trang | 08/3/2004 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Sầm Sơn, Thanh Hoá | |
| 10 | 0610 | Lê Thuý Hằng | 13/9/2000 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 11 | 0611 | Nguyễn Trọng Huy | 25/8/1991 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 12 | 0612 | Lê Thị Thuý Linh | 20/4/2000 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 13 | 0613 | Tổng Xuân Long | 02/9/2004 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 14 | 0614 | Nguyễn Văn Minh | 27/02/2003 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----------|--|----------------------|-----------------------|---|------------------------------------|-------------------------------------|
| 15 | 0615 | Trần Văn Tùng | 21/6/2000 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 16 | 0616 | Lê Minh Giang | 20/10/2002 | Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Danh hiệu cử nhân thực hành) | Xã Định Hoà, tỉnh Thanh Hoá | |
| V | Vị trí việc làm Dinh dưỡng (Dinh dưỡng hạng III, Mã số: V.08.09.25) | | | | | |
| 1 | 0701 | Ngô Thị Đức Hiền | 09/9/2000 | Cử nhân Dinh dưỡng | Phường Sầm Sơn, Thanh Hoá | |
| 2 | 0702 | Nguyễn Thị Hà Phương | 28/5/2003 | Cử nhân Dinh dưỡng | Phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0703 | Phạm Thị Thu | 24/11/2002 | Cử nhân Dinh dưỡng | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0704 | Trịnh Thị Thu Trang | 20/3/1997 | Cử nhân Dinh dưỡng | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| VI | Vị trí việc làm Công tác Xã hội (Công tác Xã hội viên, Mã số: V.09.04.02) | | | | | |
| 1 | 0801 | Nguyễn Thuý An | 31/7/2001 | Cử nhân Công tác Xã hội | Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0802 | Ngô Thị Anh | 01/10/1990 | Đại học Công tác Xã hội | Xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0803 | Đặng Quốc Cường | 17/02/2001 | Cử nhân Công tác Xã hội | Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0804 | Phạm Thị Duyên | 01/8/1992 | Cử nhân Công tác Xã hội | Xã Công Chính, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0805 | Phạm Hoàng Hải | 17/02/2000 | Cử nhân Xã hội học | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 0806 | Lê Thị Hồng | 18/5/2003 | Cử nhân Kinh tế | Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá | Chứng chỉ Nghiệp vụ công tác xã hội |
| 7 | 0807 | Lê Thị Hồng | 31/10/2001 | Cử nhân Công tác Xã hội | Xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|------------|--|--------------------|-----------------------|--|----------------------------------|-------------------------------------|
| 8 | 0808 | Lê Thị Hương | 02/01/1994 | Đại học Xã hội học | Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0809 | Mai Anh Linh | 24/12/1995 | Đại học Xã hội học | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 10 | 0810 | Tổng Thị Linh | 24/8/1997 | Đại học Công tác Xã hội | Xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá | |
| 11 | 0811 | Lê Đăng Minh | 19/3/2001 | Cử nhân Kế toán | Xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hoá | Chứng chỉ Nghiệp vụ công tác xã hội |
| 12 | 0812 | Phạm Thanh Nhân | 23/11/1990 | Đại học Xã hội học | Phường Đông Quang, Thanh Hoá | |
| 13 | 0813 | Hoàng Thị Phương | 17/11/2002 | Cử nhân Giáo dục đặc biệt | Xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 14 | 0814 | Hồ Thị Thu | 17/11/1995 | Cử nhân Công tác Xã hội; Thạc sĩ Khoa học Giáo dục (ngành Giáo dục đặc biệt) | Xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hoá | |
| 15 | 0815 | Phạm Huyền Trang | 27/8/1998 | Cử nhân Công tác Xã hội | Xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 16 | 0816 | Hoàng Đạt Tuấn | 05/5/1994 | Cử nhân Xã hội học | Xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá | |
| VII | Vị trí việc làm Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin hạng III, Mã số: V.11.06.14) | | | | | |
| 1 | 0901 | Lê Như Anh | 10/01/1986 | Kỹ sư Khoa học máy tính | Xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 0902 | Nguyễn Nhật Anh | 11/01/1998 | Kỹ sư Công nghệ thông tin | Xã Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 0903 | Đoàn Hoàng Đức Anh | 04/04/2002 | Đại học Công nghệ thông tin | Xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 0904 | Nguyễn Hoàng Đức | 03/6/1998 | Cử nhân Kỹ thuật phần mềm | Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 0905 | Trần Trọng Huy | 06/8/2001 | Kỹ sư Công nghệ thông tin | Xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-------------|--|--------------------|-----------------------|--|---------------------------------|---------|
| 6 | 0906 | Phùng Bá Quang Huy | 08/01/2001 | Kỹ sư Công nghệ thông tin | Xã Tân Châu, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 0907 | Hoàng Thị Huyền | 24/8/2002 | Cử nhân Công nghệ thông tin | Xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 0908 | Trần Thanh Lâm | 28/12/2002 | Cử nhân Công nghệ thông tin | Xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hoá | |
| 9 | 0909 | Nguyễn Hoài Sơn | 01/8/2002 | Kỹ sư Công nghệ thông tin | Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá | |
| 10 | 0910 | Nguyễn Lê Thanh | 15/01/2000 | Cử nhân Công nghệ thông tin | Xã Nam Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên | |
| VIII | Vị trí việc làm Quản lý vật tư, thiết bị y tế (Kỹ sư hạng III, Mã số: V.05.02.07) | | | | | |
| 1 | 1001 | Đông Vương Hưng | 19/9/1999 | Cử nhân Kỹ thuật y sinh | Xã Nông Công, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 1002 | Tổng Quang Minh | 02/5/2003 | Cử nhân Kỹ thuật y sinh | Xã Hà Long, tỉnh Thanh Hoá | |
| IX | Vị trí việc làm Đào tạo, chỉ đạo tuyến (Chuyên viên, Mã số: 01.003) | | | | | |
| 1 | 1101 | Lê Bình Anh | 28/8/2003 | Cử nhân Tài chính -Ngân hàng | Xã Hoằng Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 1102 | Hoàng Linh Đan | 20/8/2001 | Dược sĩ | Xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 1103 | Lê Khánh Hạ | 07/12/2000 | Dược sĩ | Xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 1104 | Nguyễn Mai Linh | 19/8/2001 | Cử nhân Tài chính -Ngân hàng | Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 1105 | Lê Quỳnh Mai | 08/02/1995 | Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành Tài chính -Ngân hàng | Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 1106 | Nguyễn Cẩm Nhung | 30/3/2003 | Cử nhân Y tế công cộng | Xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 1107 | Trịnh Thị Tâm | 23/8/1993 | Cử nhân Tài chính -Ngân hàng | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 8 | 1108 | Nguyễn Thị Thảo | 28/6/1991 | Cử nhân Y tế công cộng | Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá | |
| X | Vị trí việc làm Tổ chức nhân sự (Chuyên viên, Mã số: 01.003) | | | | | |
| 1 | 1201 | Phạm Lê Thục An | 31/8/2003 | Cử nhân Kế toán | Xã Quảng Yên, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 1202 | Lương Hoàng Anh | 29/9/1994 | Cử nhân Kế toán | Xã Hoảng Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 1203 | Phan Phương Anh | 01/8/2002 | Cử nhân Kế toán | Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 1204 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | 20/10/1993 | Cử nhân Kế toán | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 5 | 1205 | Đỗ Thị Duyên | 06/10/2003 | Cử nhân Kế toán | Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | |
| 6 | 1206 | Lê Thu Hà | 14/4/2003 | Cử nhân Kế toán | Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá | |
| 7 | 1207 | Trần Thị Ngọc Liên | 05/8/1997 | Cử nhân Kế toán | Xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hoá | |
| 8 | 1208 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 16/3/1989 | Thạc sĩ Kinh tế, Chuyên ngành Kế toán | Xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá | |
| XI | Vị trí việc làm Quản lý chất lượng (Chuyên viên, Mã số: 01.003) | | | | | |
| 1 | 1301 | Lê Thị Mai Anh | 29/4/2001 | Dược sĩ | Xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá | |
| 2 | 1302 | Hoàng Thị Hường | 20/5/2003 | Cử nhân Y tế công cộng | Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| 3 | 1303 | Hoàng Diệu Linh | 20/01/2000 | Dược sĩ | Xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá | |
| 4 | 1304 | Lại Hà My | 22/8/2003 | Cử nhân Y tế công cộng | Xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hoá | |

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn | Quê quán | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------------------|---------|
| 5 | 1305 | Đỗ Minh Ngọc | 03/5/2002 | Dược sĩ | Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá | |
| XII | Vị trí việc làm Kế hoạch tổng hợp, thống kê y tế (Chuyên viên, Mã số: 01.003) | | | | | |
| 1 | 1401 | Trương Khánh Linh | 06/10/2000 | Cử nhân Tài chính -Ngân hàng | Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá | |